

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC SỐNG DÂN CƯ 2025

I. Thông tin chung về Khảo sát mức sống dân cư năm 2025

Khảo sát mức sống dân cư năm 2025 (viết gọn là KSMS 2025) được thực hiện theo Quyết định số 1695/QĐ-TCTK ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê). Đây là cuộc điều tra mẫu thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, nhằm thu thập thông tin phục vụ đánh giá mức sống dân cư, tình trạng nghèo đói, phân hóa giàu nghèo và giám sát, đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia.

KSMS 2025 được triển khai trên phạm vi cả nước với mẫu gồm 46.995 hộ đại diện cho toàn quốc, khu vực thành thị, nông thôn, 6 vùng kinh tế-xã hội, 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các thông tin được thu thập trong KSMS 2025 gồm: thu nhập, nhân khẩu học, giáo dục, y tế, việc làm, đồ dùng lâu bền, nhà ở, điện, nước, điều kiện vệ sinh và một số thông tin về tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.

II. Kết quả chính của Khảo sát mức sống dân cư năm 2025

2.1. Thu nhập

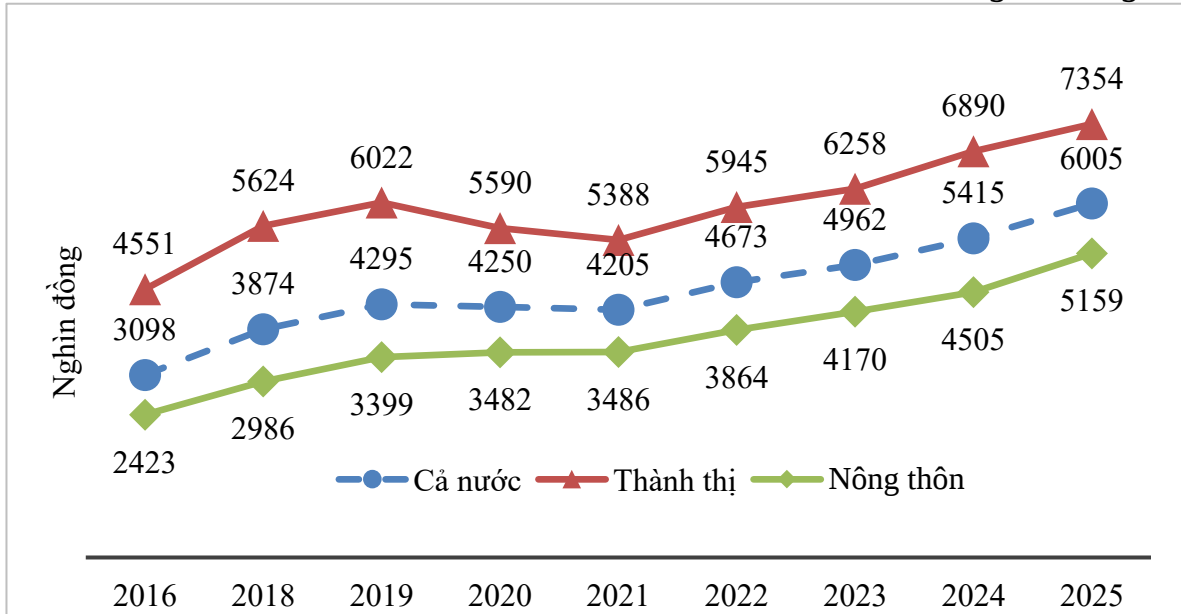
Năm 2025, thu nhập bình quân của người dân tiếp tục được cải thiện, tăng ở cả ở khu vực thành thị và nông thôn. Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành đạt 6,0 triệu đồng, tăng 10,9% so với năm 2024, cao hơn tốc độ tăng thu nhập của năm 2024 so với năm 2023 (9,1%).

Thu nhập bình quân đầu người một tháng tại khu vực thành thị đạt gần 7,4 triệu đồng, tăng 6,7% so với năm 2024 và cao gấp 1,42 lần khu vực nông thôn (gần 5,2 triệu đồng, tăng 14,5%). Khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa hai khu vực này có xu hướng thu hẹp dần so với năm 2024 (1,5 lần).

Theo vùng kinh tế-xã hội, Đông Nam Bộ là vùng có thu nhập bình quân đầu người một tháng cao nhất, đạt gần 7,5 triệu đồng, trong khi Trung du và miền núi phía Bắc thấp nhất, chỉ đạt gần 4,2 triệu đồng.

Hình 01. Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng chia theo thành thị, nông thôn giai đoạn 2016-2025

Đơn vị tính: Nghìn đồng

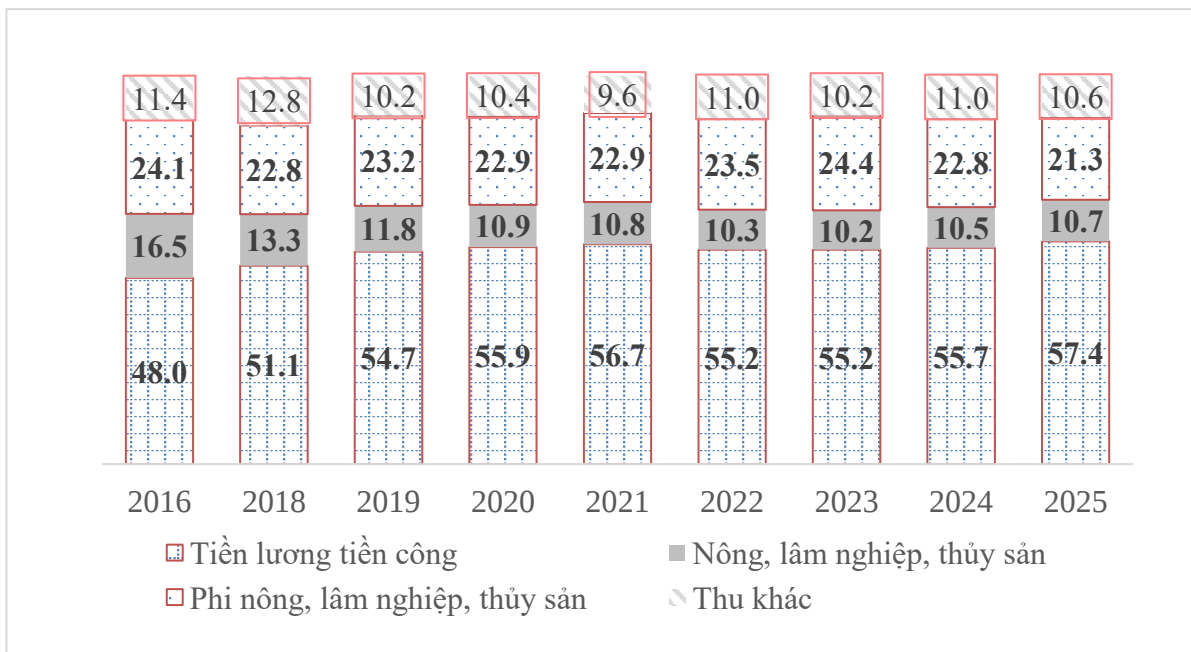


Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư

Khoảng cách thu nhập giữa các nhóm hộ dân cư vẫn ở mức đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nhóm 20% dân số có thu nhập cao nhất (nhóm 5) đạt 11,8 triệu đồng cao gấp 5,6 lần so với nhóm 20% dân số có thu nhập thấp nhất (nhóm 1) chỉ đạt 2,1 triệu đồng/tháng.

Hình 02. Cơ cấu thu nhập bình quân đầu người 1 tháng chia theo nguồn thu giai đoạn 2016-2025

Đơn vị tính: %



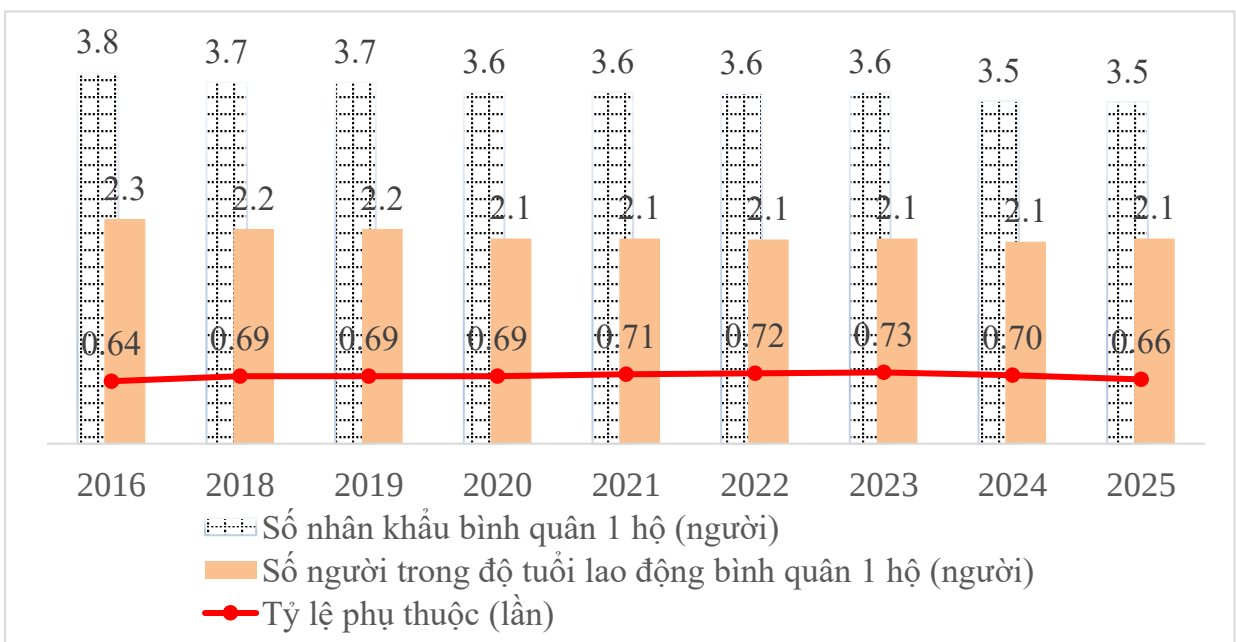
Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư

Cơ cấu thu nhập tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực khi thu từ tiền công, tiền lương chiếm 57,4% tổng thu nhập, tăng 1,7 điểm phần trăm so với năm 2024 (55,7%), phản ánh vai trò chủ đạo và ngày càng ổn định của thu nhập từ lao động làm công. Thu từ hoạt động nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 10,7%, tăng 0,2 điểm phần trăm, cho thấy khu vực này vẫn là nguồn thu nhập cơ bản của nhiều hộ dân. Trong khi đó, thu từ hoạt động phi nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 21,3% (giảm 1,5 điểm phần trăm) và các thu khác chiếm 10,6% (giảm 0,4 điểm phần trăm), phản ánh những khó khăn nhất định của khu vực kinh tế cá thể, kinh tế hộ gia đình.

2.2. Quy mô hộ gia đình

Năm 2025, quy mô hộ gia đình bình quân là 3,5 người/hộ và số người trong độ tuổi lao động bình quân đạt 2,1 người/hộ, không thay đổi so với năm 2024. Trong giai đoạn 2016-2025, quy mô hộ và số người trong độ tuổi lao động bình quân một hộ giảm nhẹ trong những năm đầu, sau đó duy trì ổn định từ năm 2020 đến nay. Trong khi đó, tỷ lệ phụ thuộc tăng từ 0,64 năm 2016 lên 0,73 năm 2023. Năm 2024, tỷ lệ phụ thuộc có xu hướng giảm còn 0,7 và năm 2025 là 0,66. Quy mô hộ ở khu vực thành thị và nông thôn không có sự chênh lệch lớn, với 3,4 người/hộ ở khu vực thành thị và 3,6 người/hộ ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ thuộc ở khu vực nông thôn cao hơn so với khu vực thành thị (0,69 so với 0,63). Điều này cho thấy mặc dù quy mô hộ gia đình tương đối ổn định, khu vực nông thôn vẫn chịu áp lực lớn hơn về cơ cấu dân số phụ thuộc.

Hình 03. Số nhân khẩu, số người trong tuổi lao động và tỷ lệ phụ thuộc bình quân một hộ giai đoạn 2016 - 2025



Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư

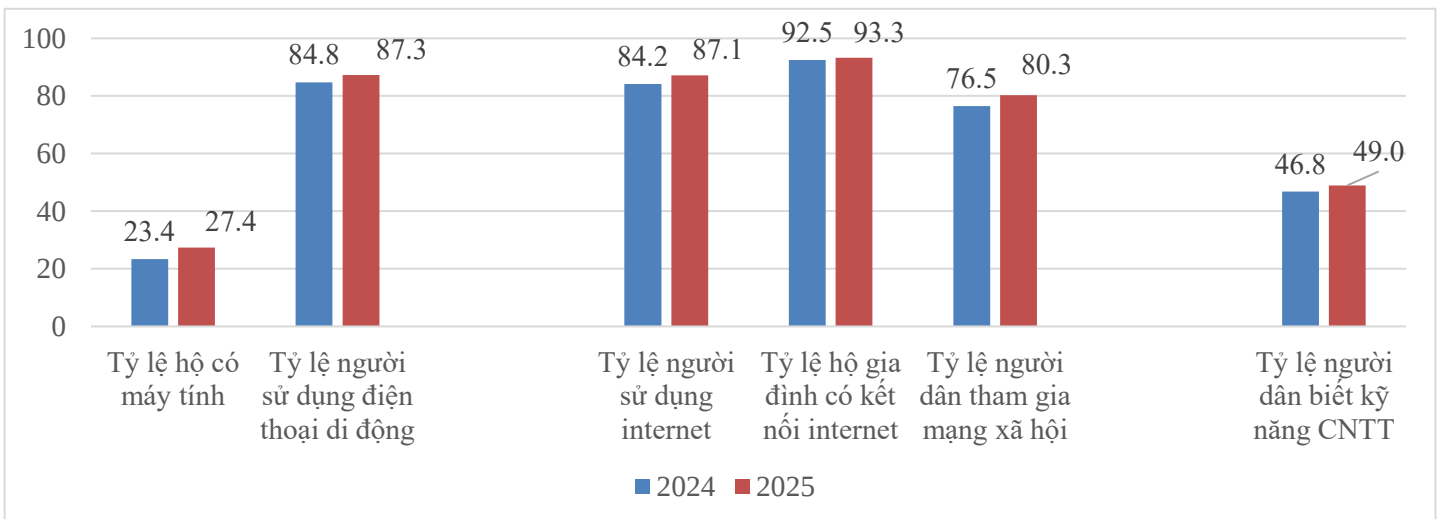
2.3. Thông tin truyền thông

Về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin truyền thông (TTTT) của cá nhân và hộ gia đình

Năm 2025, tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động trên cả nước đạt 87,3%, tăng 2,5 điểm phần trăm so với năm 2024 (84,8%). Có 80,3% dân số sử dụng điện thoại thông minh, trong khi tỷ lệ sử dụng điện thoại thường chỉ còn 8,5%. Số liệu khảo sát cho thấy điện thoại di động nói chung và điện thoại di động thông minh đã trở thành phương tiện thiết yếu tại Việt Nam nên không còn chênh lệch nhiều về tỷ lệ sử dụng điện thoại di động theo các nhóm dân số, địa lý. Tỷ lệ hộ gia đình sở hữu máy tính đạt 27,4%. Ở khu vực thành thị có 42,2% hộ có máy tính, trong khi khu vực nông thôn chỉ có 17,6% hộ có máy tính. Theo nhóm thu nhập, tỷ lệ hộ có máy tính ở nhóm hộ có thu nhập cao nhất đạt 46,8%, trong khi nhóm hộ có thu nhập thấp nhất chỉ đạt 5,9%.

Hình 04. Một số chỉ tiêu tiếp cận thông tin truyền thông năm 2024 và 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư

Về mức độ phổ cập không gian số và khả năng tương tác trực tuyến của người dân

Năm 2025, có 93,3% hộ gia đình tại Việt Nam có kết nối internet và 87,1% dân số có sử dụng internet, tăng lần lượt là 0,8 điểm phần trăm và 2,9 điểm phần trăm so với năm 2024 (92,5% và 84,2%). Tỷ lệ người dân tham gia mạng xã hội cũng tăng từ 76,5% năm 2024 lên 80,3% năm 2025, điều này cho thấy internet và mạng xã hội ngày càng trở thành hạ tầng thiết yếu phục vụ thông tin, giao tiếp, giải trí và tương tác của người dân.

Mức độ sử dụng internet và mạng xã hội có sự khác biệt theo nhóm tuổi và vùng địa lý. Nhóm 19-24 tuổi có tỷ lệ sử dụng internet đạt 99,1% và tham gia

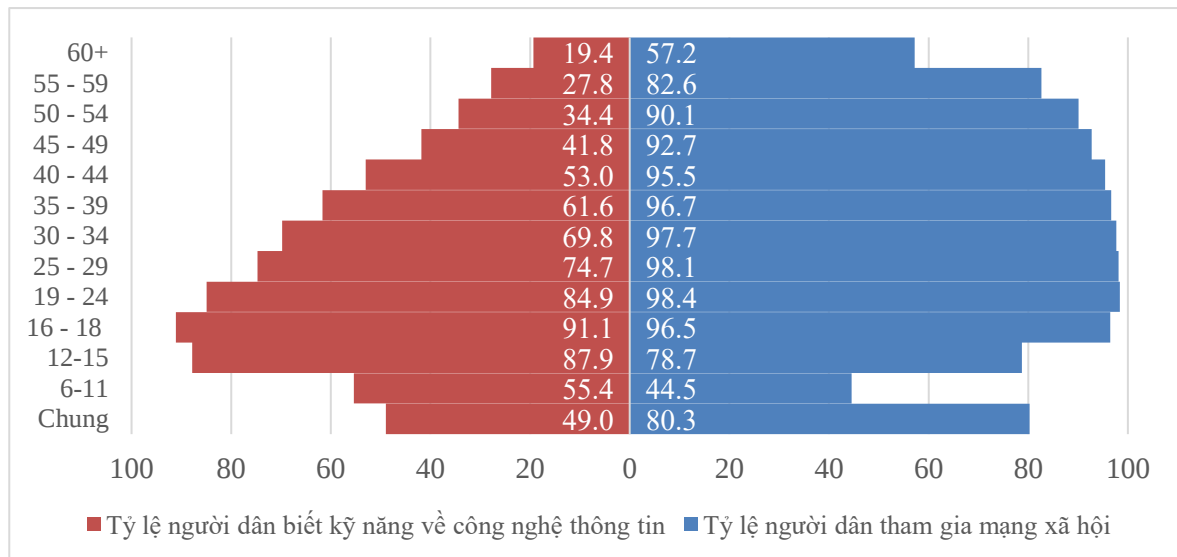
mạng xã hội đạt 98,4%, cao nhất trong các nhóm tuổi. Đáng chú ý, nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên có tốc độ gia tăng nhanh với tỷ lệ dùng internet tăng từ 61,4% năm 2024 lên 68,6% năm 2025 và tỷ lệ dùng mạng xã hội tăng từ 50,0% lên 57,2%, phản ánh quá trình hòa nhập ngày càng mạnh mẽ của người cao tuổi vào không gian số. Theo vùng, Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ hộ có kết nối internet cao nhất (97,7%) và tỷ lệ dân số sử dụng internet cao nhất (92,4%). Vùng có tỷ lệ dân số sử dụng internet thấp nhất là Trung du miền núi phía Bắc với 83,1% dân số sử dụng internet, cho thấy vẫn còn khoảng cách tiếp cận và sử dụng không gian số giữa các vùng.

Về kỹ năng công nghệ thông tin, chỉ tiêu phản ánh chất lượng, năng lực làm chủ công nghệ và khai thác hiệu quả tài nguyên số của người dân

Năm 2025, tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin (CNTT) trên toàn quốc đạt 49,0%, tăng 2,2 điểm phần trăm so với năm 2024. Như vậy, tính đến năm 2025, cứ gần 2 người dân Việt Nam thì có 1 người có kỹ năng về CNTT. Kỹ năng CNTT của người dân chủ yếu vẫn dừng lại ở các kỹ năng cơ bản với tỷ lệ là 48,5%, tỷ lệ người dân đạt đến kỹ năng nâng cao chỉ chiếm 21,5%. Đây là thách thức không nhỏ cho mục tiêu phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao.

Hình 05. Sử dụng mạng xã hội và kỹ năng CNTT theo nhóm tuổi năm 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2025

Năm 2025, tỷ lệ dân số có kỹ năng CNTT ở khu vực thành thị vượt trội so với khu vực nông thôn (59,0% so với 42,7%). Vùng Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ dân số có kỹ năng CNTT cao nhất cả nước (58,8%), trong khi Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có tỷ lệ dân số có kỹ năng CNTT thấp nhất (37,0%). Hai nhóm tuổi có tỷ lệ dân số biết kỹ năng CNTT cao nhất là nhóm từ 12-15 tuổi và từ 16-18 tuổi với tỷ lệ lần lượt là 87,9% và 91,1%, phản ánh kết quả tích cực từ việc phổ

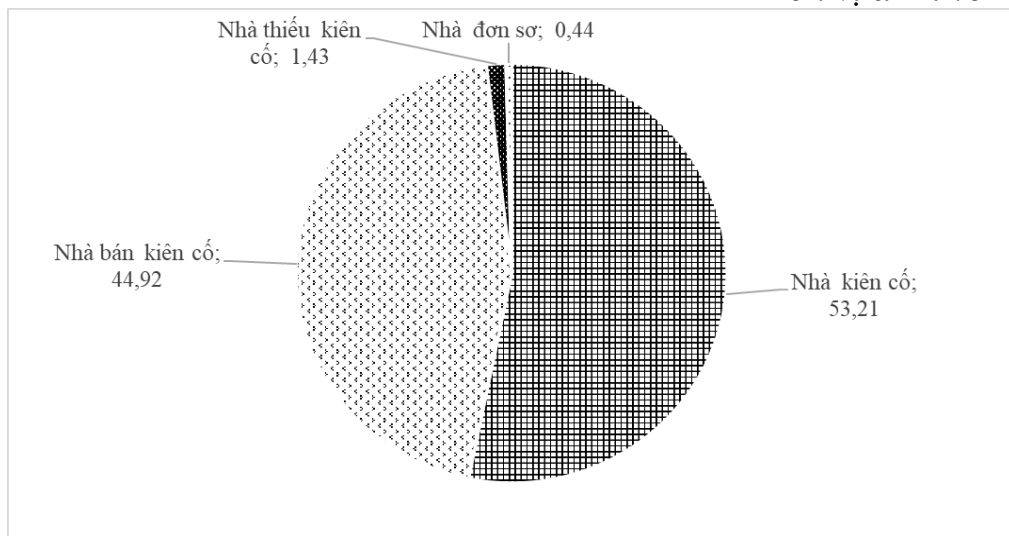
cập tin học trong hệ thống giáo dục phổ thông. Nhóm tuổi 60+ dùng internet khá nhiều (68,6%) nhưng tỷ lệ người có kỹ năng CNTT ở nhóm này lại thấp nhất, chỉ đạt 19,4%.

2.4. Nhà ở và điều kiện sống

Kết quả khảo sát cho thấy diện tích và chất lượng nhà ở của các hộ gia đình ngày càng được cải thiện. Năm 2025, diện tích ở bình quân đầu người đạt 29,3 m², tăng 0,3 m² so với năm 2024. Tỷ lệ hộ gia đình sống trong nhà kiên cố và bán kiên cố năm 2025 đạt 98,1%, tăng 0,4 điểm phần trăm.

Hình 06. Cơ cấu các loại nhà ở năm 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2025

Điều kiện tiếp cận nước sinh hoạt hợp vệ sinh cũng tiếp tục được nâng cao. Năm 2025, tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh cả nước đạt 98,8%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với 2024, trong đó khu vực thành thị đạt 99,9%, khu vực nông thôn đạt 98,1%¹. Theo vùng, Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là 2 vùng có tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh cao nhất (99,9%), thấp nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (94,1%).

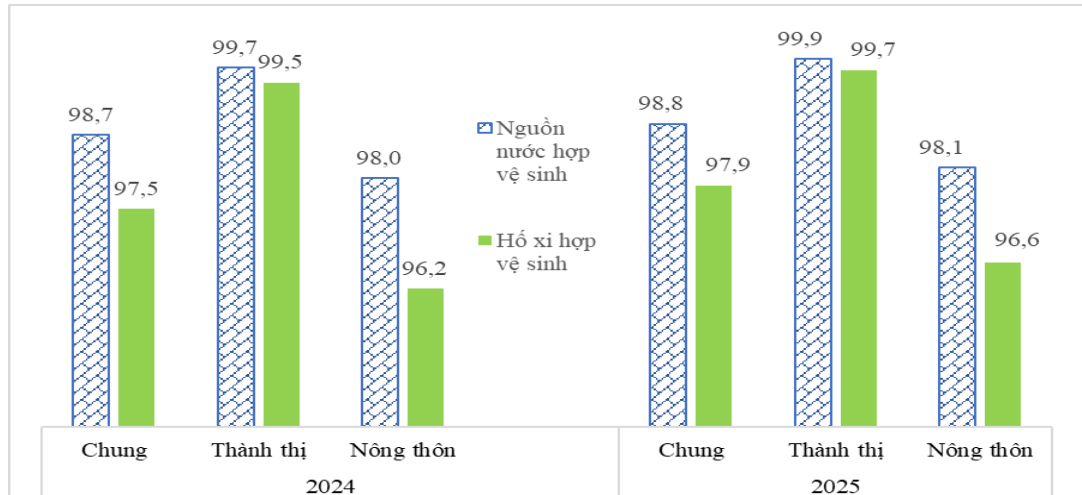
Năm 2025, có 97,9% hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh², tăng 0,4 điểm phần trăm so với năm 2024. Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh ở khu vực thành thị đạt 99,7% và ở khu vực nông thôn đạt 96,6%. Hai vùng có tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh cao nhất là Đồng bằng sông Hồng (99,9%) và Đông Nam Bộ (99,6%), thấp nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (94,2%).

¹ Nguồn nước hợp vệ sinh gồm có: Nước máy; Giếng khoan; Giếng đào được bảo vệ; Nước suối, khe mố được bảo vệ; Nước mưa; Nước mưa từ xe xitéc chở nước; Nước đóng chai, bình.

² Hố xí hợp vệ sinh gồm có: Hố xí tự hoại, thấm dội nước, Hố xí đào (cải tiến có ống thông hơi; có bệ ngồi), Hố xí ủ phân trộn.

Hình 07. Tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước, hố xí hợp vệ sinh phân theo khu vực thành thị - nông thôn năm 2024 và 2025

Đơn vị tính: %



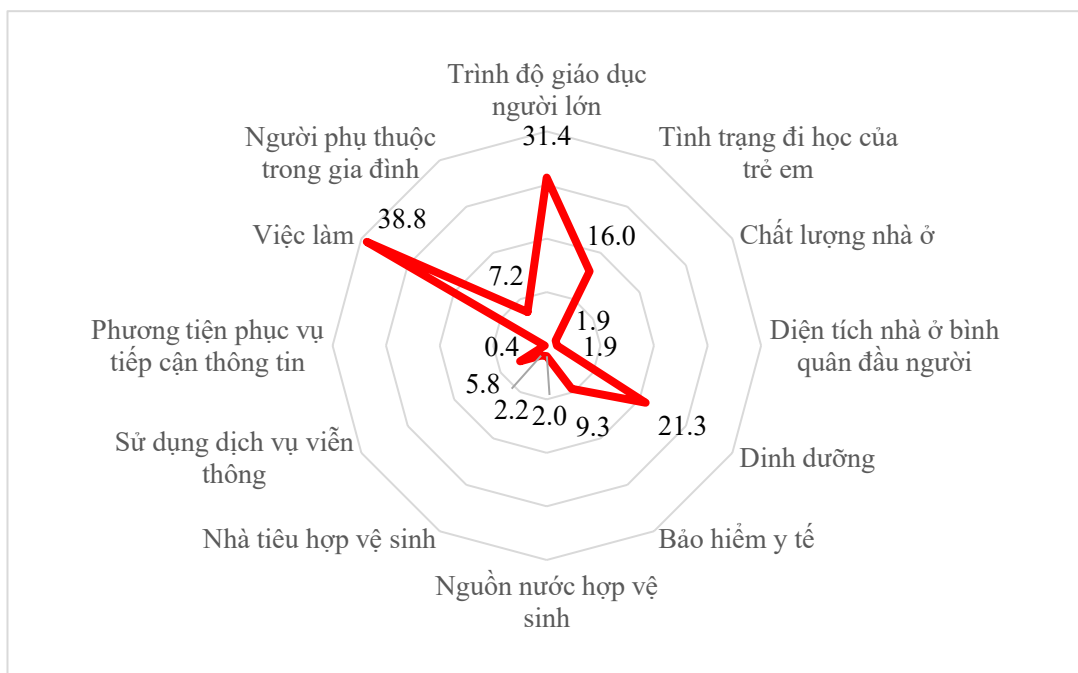
Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư

2.5. Nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2025 là 1,3%, giảm 1,0 điểm phần trăm so với năm 2024. Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao nhất cả nước (4,9%). Ngược lại, Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp nhất cả nước (0,1%).

Hình 08. Tỷ lệ hộ thiếu hụt các chỉ số nghèo đa chiều năm 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2025

Xét riêng về 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, các hộ gia đình Việt Nam năm 2025 thiếu hụt nhiều nhất là về việc làm (38,8%), tiếp đến là trình độ giáo dục người lớn (31,4%) và dinh dưỡng (21,3%). Kết quả này cho thấy, bên cạnh việc giảm tỷ lệ nghèo, việc cải thiện chất lượng việc làm, nâng cao trình độ học vấn và bảo đảm dinh dưỡng vẫn là những lĩnh vực cần được ưu tiên trong chính sách giảm nghèo đa chiều.

2.6. Bất bình đẳng

Hệ số GINI (theo thu nhập) của Việt Nam năm 2025 là 0,323, giảm so với năm 2024 (0,372), cho thấy mức độ bất bình đẳng thu nhập tiếp tục được cải thiện và vẫn giữ ở mức trung bình. Mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị (0,321 so với 0,293). Theo vùng, Trung du miền núi phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là hai vùng có mức độ bất bình đẳng cao nhất (tương ứng 0,385 và 0,312) cũng là hai vùng có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao. Trong khi đó, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là vùng có mức độ bất bình đẳng thấp nhất (0,268 và 0,288).

Kết luận

Năm 2025, đời sống của người dân Việt Nam tiếp tục được cải thiện và nâng cao với thu nhập bình quân đầu người một tháng đạt hơn 6 triệu đồng, tăng 10,9% so với năm 2024. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 1,3%, giảm 1 điểm phần trăm so với năm 2024. Chênh lệch thu nhập giữa nhóm hộ có thu nhập cao nhất và nhóm hộ thu nhập thấp nhất cho thấy vẫn còn tồn tại bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Nhà ở và điều kiện sống của người dân ngày càng được cải thiện tuy nhiên với mức tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố không đáng kể so với năm 2024 cho thấy vấn đề nhà ở của người dân vẫn cần tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới. Khả năng tiếp cận CNTT của dân cư ngày càng được cải thiện góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội./.

CỤC THỐNG KÊ